

Số: 91/QĐ-THCSLQĐ

Lương Bằng, ngày 02 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phân công nhiệm vụ thành viên HĐGD năm học 2025-2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN:

Căn cứ Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (Ban hành kèm theo Thông tư số: 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Căn cứ Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07/3/2025 của Bộ GDĐT về việc Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học;

Căn cứ biên chế được giao năm 2025;

Căn cứ vị trí công việc trong Đề án vị trí việc làm của nhà trường;

Căn cứ năng lực và kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025 của các cá nhân trong HĐGD nhà trường;

Theo đề nghị của đồng chí Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phân công nhiệm vụ đối với các thành viên Hội đồng giáo dục nhà trường năm học 2025-2026 (Có bảng phân công kèm theo).

Điều 2. Các cá nhân trong Hội đồng giáo dục nhà trường căn cứ nội dung được phân công có trách nhiệm hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến hết ngày 01/8/2026.

Nơi nhận:

- Phòng Văn hóa,
UBND xã Lương Bằng (để b/c);
- Phó Hiệu trưởng; Các tổ chuyên môn, Văn
phòng; Đội TNTP (để t/h);
- Đăng Website trường;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Yến

UBND XÃ LƯƠNG BÀNG
TRƯỜNG THCS LÊ QUỲ ĐÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ HỌC NĂM HỌC 2025 -2026

(Kèm theo Quyết định số 91/QĐ-THCSLQĐ ngày 02/8/2025 của Hiệu trưởng trường THCS Lê Quý Đôn)

STT	Họ tên GV	Chức vụ	Chuyên môn	Kiểm nhiệm	Nhiệm vụ	Tổng số tiết
1	Phạm Thị Yến	HT	TS Quản lý	HT;	Công nghệ 6BC(2)	2
2	Phạm Thị Phương	GV, TT	ĐH Toán	CN9A (4); TT (3)	Toán 9A (4); Toán 8C (4); HĐTNHN 9A(3)	18
3	Nội Thanh Hoa	GV	TS Toán	CNTT (1)	Toán 8A(4); Toán 6B (4); Tin 9(3); Tin 6(3); HĐTNHN 7C(3)	18
4	Nguyễn Trọng Hán	GV	ĐH Toán	CNTT (1)	Toán 7A(4); Toán 8B(4); Tin 8(3); Tin 7(3); HĐTNHN 8B(3)	18
5	Đào Hương Ly	GV	ĐH Toán	CN6C(4)	Toán 6C (4); Toán 7C (4); KHTN Lý 6BC(2.6); HĐTN6C (3)	17,6
6	Hoàng T Tuyết Nhung	GV	ĐH Toán	CN7B (4)	Toán 7B (4); Toán 9C (4); HĐTNHN 7B (3); Công nghệ 9C (1.5); CD9C (1)	17.5
7	Đào Thị Oanh	GV	ĐH Toán	CN6A (4)	Toán 9B (4); Toán 6A(4); HĐTNHN 6A(3); Công nghệ 9AB (3)	18
8	Trần Thị Khánh	GV	ĐH Lý	CN7A (4)	KHTN Lý 7(3,9), KHTN Lý 8(3,7), KHTN Lý 9(3,8); HĐTNHN 7A (3)	18,4
9	Trần Thị Hương Giang	GV, TP	ĐH Sinh	CN9C (4) + TP(1)	Sinh 9 (3.7); Sinh 8BC(2.8); Công nghệ 7 (3); HĐTNHN 9C (3)	17.5
10	Nguyễn Phan Long	GV	ĐH Hóa		Hóa – Sinh 6(7.8); Hoá-Sinh 7(8.1); KHTN Lý 6A (1,3);	17.2
11	Nguyễn T Thùy Linh	GV	ĐH Hóa	CN8A (4) + TVTL (1)	Hóa 9(4.5); Hóa 8(4.5); Sinh 8A(1.4); HĐTNHN 8A (3)	18.4

12	Đào Thị Hương	GV	ĐH Mỹ thuật		MT6,7,8,9(12); GDCD 8 (3); HĐTNHN 6B(3)	18
13	Trần Minh Tuyên	GV	ĐH GDTC	CSVC (1)	TD6,8(12); Công nghệ 8(4.5); Công nghệ 6A(1)	18.5
14	Nguyễn Thế Quyền	GV	ĐH GDTC		TD7,9(12); GDCD 7 (3); GDCD 6(3)	18
15	Nguyễn T Lê Phương	PHT	ĐH Ngữ văn	Phó hiệu trưởng	Văn 9C(4)	4
16	Nguyễn Thị Ngọc Tú	GV	ĐH Ngữ văn	TKHĐ (2), CN 8B(4)	Văn 9A(4); Văn 8AB(8)	18
17	Nguyễn Thị Ánh	GV, TKHĐ	ĐH Ngữ văn	CN9B(4) + TT(3)	Văn 9B (4); Văn 8C (4); HĐTNHN 9B (3)	18
18	Doãn Thị Nguyệt	GV	ĐH Ngữ văn		Văn 6AC(8); Sử 7(4,5); Địa 7AB (3); CTĐP 7AB (2)	17.5
19	Hoàng Minh Hường	GV	ĐH Ngữ văn	CN 6B (4)	Văn 7A(4), Văn 6B (4); Sử 6 (4,5) + Địa 7C (1.5)	18
20	Nguyễn Thị Thúy Hằng	GV	ĐH Ngữ văn		Văn 7BC (8); Sử 9 (4,5); Sử 8 (4,5); CTĐP 7C (1)	18
21	Chu Thị Thắm	GV, TP	TS Địa lý	CN 8C (4) + TP(1)	Địa 9 (4,5); Địa 8 (4.5); Địa 6 (4.5)	18.5
22	Phạm Thị Thu Thủy	GV	ĐH Tiếng anh	CN 7C (4)	Anh 9A(3); Anh 7(9); GDCD 9AB (2)	18
23	Nguyễn Thu Hòa	GV	ĐH Tiếng anh	NT Anh	Anh 9BC(6); Anh 8BC(6); HĐTNHN 8C (3); CTĐP 9(3)	18
24	Vũ Quang Điện	GV	ĐH Tiếng anh		Anh 8A(3); Anh 6(9); CTĐP 8 (3); CTĐP 6 (3)	18
25	Nguyễn Thị Phương Oanh	GV, TPTĐ	ĐH Âm nhạc	TPT (13)	Nhạc 6,7,8,9	25
26	Dương Thị Hạnh	NV	ĐH	Nhân viên Kế toán		
27	Đào Thị Thắm	NV	ĐH	Nhân viên Văn thư, kiêm thủ quỹ		
28	Trần Thị Thán	NV	ĐH	Nhân viên TBTN kiêm thư viện		

